

## **Ngành xây dựng và vật liệu xây dựng Thổ Nhĩ Kỳ**

### **1. Ngành xây dựng**

#### *1.1. Giá trị tổng sản lượng*

Ngành xây dựng Thổ Nhĩ Kỳ đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế nước này với tỷ trọng đóng góp 6% cho GDP và sử dụng 1,4 triệu người. Tuy nhiên, ngành xây dựng thực chất liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến khoảng 150 phân ngành khác. Nếu tính tổng số tác động trực tiếp hoặc gián tiếp thì ngành xây dựng nước này chiếm tỷ trọng 30% của nền kinh tế.

Sau giai đoạn tăng trưởng nhanh vào những năm 1980, ngành xây dựng đã phát triển chậm lại trong giai đoạn 1993 và 2001. Tuy nhiên, do các chính sách thích hợp được áp dụng, ngành này đã hồi phục từ năm 2002 với mức tăng trưởng 13,9%. Năm 2003 mức tăng là 7,8%, năm 2004: 14,1%, năm 2005: 9,3%, năm 2006: 18,5%, năm 2007: 15,7%. Năm 2008, do khủng hoảng kinh tế toàn cầu, mức tăng là -8,1% và -16,1% năm 2009. Năm 2010, mức tăng đạt 17,1%.

Qua nhiều năm hoạt động, ngành xây dựng đã sở hữu nhiều công nghệ tiên tiến, know - how và trở thành ngành có uy tín trên thế giới. Năm 2010, Thổ Nhĩ Kỳ có 33 công ty được xếp hạng trong số 225 công ty xây dựng/ nhà thầu lớn nhất thế giới do tạp chí hàng đầu thế giới Engineering News Record - ENR công bố (cũng theo danh sách này, Trung Quốc xếp thứ nhất với 54, Italia thứ 3 với 22 công ty, Mỹ 20 công ty, Nhật Bản 13 công ty, Hàn Quốc 12 công ty, Tây Ban Nha 11 công ty).

Đến năm 2000, trên 30% các công trình ở nước ngoài do các công ty xây dựng Thổ Nhĩ Kỳ thực hiện là nhà ở. Đến giai đoạn 2000 - 2010, tỷ trọng này thay đổi mạnh, giảm xuống chỉ còn 9,6%, trong khi đó, tỷ trọng xây dựng đường, cầu, đường hầm, trung tâm thương mại, nhà máy công nghiệp, sân bay, đường ống dẫn...tăng đáng kể.

Trong giai đoạn 1972 - 2009, các công ty xây dựng Thổ Nhĩ Kỳ đã hoàn thành trên 5.000 dự án tại 81 nước với trị giá trên 155 tỷ USD, đưa nước này trở thành 1 trong những nước hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng trên thế giới. Các thị trường và khu vực chủ yếu là Nga, Trung Đông, các nước vùng Vịnh, Trung Á và Châu Phi.

Nga chiếm 18%, Libya 14,1% và Turmesistan 11% thị phần xây dựng của Thổ Nhĩ Kỳ trong thời gian 1972 - 2010. Cũng trong giai đoạn này, thị

phần của CIS, Trung Đông và Châu Phi lần lượt là 43%, 25% và 21%, tổng cộng gần 90%.

Trong giai đoạn 2000 - 2010, khối lượng xây dựng hàng năm ở nước ngoài tăng từ 2,4 tỷ USD năm 2001 lên 24,6 tỷ USD năm 2007. Trong các năm tiếp theo, do khủng hoảng tài chính thế giới, khối lượng xây dựng chỉ đạt 20,3 tỷ USD vào năm 2010.

***Giá trị xây dựng tại 20 nước hàng đầu  
giai đoạn 1972 - 2010***

| <b><i>STT</i></b> | <b><i>Tên nước</i></b> | <b><i>Số dự án</i></b> | <b><i>Trị giá<br/>(ngàn USD)</i></b> | <b><i>Tỷ trọng<br/>(%)</i></b> |
|-------------------|------------------------|------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|
| 01                | Liên Bang Nga          | 1.252                  | 33.803.837                           | 18,0                           |
| 02                | Libya                  | 529                    | 26.427.390                           | 14,1                           |
| 03                | Turmenistan            | 641                    | 20.717.019                           | 11,0                           |
| 04                | Kazakhstan             | 344                    | 13.096.034                           | 7,0                            |
| 05                | Iraq                   | 589                    | 10.663.620                           | 5,7                            |
| 06                | Saudi Arabia           | 149                    | 8.625.572                            | 4,6                            |
| 07                | Qatar                  | 55                     | 7.339.275                            | 3,9                            |
| 08                | UAE                    | 93                     | 7.330.243                            | 3,9                            |
| 09                | Romania                | 166                    | 6.113.824                            | 3,3                            |
| 10                | Algeria                | 125                    | 5.201.921                            | 2,8                            |
| 11                | Azerbaijan             | 237                    | 4.540.934                            | 2,4                            |
| 12                | Oman                   | 32                     | 4.447.728                            | 2,4                            |
| 13                | Afghanistan            | 408                    | 3.303.617                            | 1,8                            |
| 14                | Ukraina                | 128                    | 2.880.266                            | 1,5                            |
| 15                | Morocco                | 40                     | 2.351.799                            | 1,3                            |
| 16                | Pakistan               | 35                     | 2.238.137                            | 1,2                            |
| 17                | Jordan                 | 32                     | 2.225.387                            | 1,2                            |
| 18                | Iran                   | 35                     | 2.191.691                            | 1,2                            |
| 19                | Georgia                | 107                    | 2.059.818                            | 1,1                            |
| 20                | Uzbekistan             | 88                     | 1.979.900                            | 1,1                            |

*Nguồn: Bộ Xây dựng Thổ Nhĩ Kỳ*

Trong giai đoạn 1985 - 2000, Thổ Nhĩ Kỳ có nhu cầu xây dựng và đầu tư rất lớn vào cơ sở hạ tầng trong nước. Các công ty có cơ hội lớn và đã thành công về xây dựng, tích lũy kinh nghiệm về công nghệ quản lý xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Ba năm gần đây, Turmenistan, Libya, Iraq, Nga tiếp tục dẫn đầu trong các thị trường xây dựng của Thổ Nhĩ Kỳ với tỷ trọng khoảng 50%, Ả Rập Xê Út và Algeria không còn nằm trong top 10 thị trường xây dựng của Thổ Nhĩ Kỳ.

Trong năm 2010, các công ty xây dựng thực hiện 517 dự án tại 48 nước với trị giá 20,3 tỷ USD, trong đó Turmenistan là thị trường đứng đầu với tỷ trọng 20,9%, tiếp theo đó là Libya 12,10%, Iraq 10,8%, Nga 8,3%, Oman 6,1%, Georgia 5,9%, Qatar 5,5%, Morocco 4,6% và Azerbaijan 4,2%.

Về nhóm nước, với tỷ trọng 39%, các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS) xếp thứ nhất về tổng giá trị thực hiện trong năm 2010. Tiếp theo là Trung Đông 33% và Châu Phi 19%.

Về chủng loại công trình, đường/cầu/đường hầm chiếm 12,6%, nhà ở 12,4%, cơ sở thể dục thể thao (tổ hợp Olympic, sân vận động, trung tâm trượt tuyết) 10,8%, năng lượng (nhà máy nhiệt điện, thủy điện, turbine gió) 7,1% và du lịch như khách sạn, resort, khu nghỉ dưỡng...

### *1.2. Xây dựng trong nước*

## **2. Vật liệu xây dựng**

### *2.1. Sản xuất và xuất khẩu*

Quy mô và sự phát triển của ngành xây dựng là một trong những điều kiện thúc đẩy ngành sản xuất vật liệu xây dựng phát triển. Ngành vật liệu xây dựng được biết đến bởi công nghệ sản xuất tiên tiến, giao hàng nhanh, chất lượng tốt và giá cả hợp lý. Ngành này thuộc top 5 trên thế giới với giá trị sản xuất 70 tỷ USD và mức tăng bình quân hàng năm 11,5% trong những năm gần đây. Riêng năm 2010, mức tăng là 15,1%. Ngành này có 12.000 công ty sản xuất vật liệu xây dựng và máy móc khai khoáng, tập trung chủ yếu tại các vùng Istanbul, Konya và Ankara.

Thổ Nhĩ Kỳ có thế mạnh về sản xuất xi măng, gốm sứ, kim khí, thủy tinh, đá tự nhiên, sơn và chất phủ, nhựa và gỗ.

Thị trường vật liệu xây dựng chiếm 10% ngành công nghiệp xây dựng. 80% lượng vật liệu xây dựng được sản xuất trong nước. Thổ Nhĩ Kỳ là nước sản xuất xi măng lớn nhất Châu Âu với sản lượng 54 triệu tấn năm 2008 và là nước khẩu thứ 3 sau Trung Quốc và Thái Lan.

Năm 2008, xuất khẩu vật liệu xây dựng đạt trị giá 24,3 tỷ USD. Năm 2009, trị giá xuất khẩu giảm còn 15,7 tỷ USD, trong đó sản phẩm sắt thép đạt 8,1 tỷ USD, xi-măng đạt 1,2 tỷ USD, vật liệu xây dựng bằng nhựa đạt 924 triệu USD, cáp mạ đạt 859 triệu USD, đá 742 triệu USD, sơn 249 triệu USD... . Năm 2010, xuất khẩu đạt 19 tỷ USD.

Sản phẩm vật liệu xây dựng được xuất sang 196 nước, trong đó các thị trường quan trọng nhất gồm Iraq, Ai Cập, Libya, UAE, Algeria.

Kế hoạch xuất khẩu vật liệu xây dựng năm 2015 là 40,2 tỷ USD và năm 2023 là 100 tỷ USD.

## *2.2. Nhập khẩu*

Nhập khẩu vật liệu xây dựng tăng hàng năm khoảng 20% trong những năm vừa qua. Năm 2008, trị giá nhập khẩu là 6 tỷ USD. Các thị trường nhập khẩu là Đức, Italia, Pháp, Bulgaria, Ngan và Mỹ. Một số hàng nhập khẩu được tái xuất sang các nước Trung Á, Nga, Trung Đông và Vùng Balkan.

Do nền kinh tế phát triển khá tốt và nhu cầu lớn về xây dựng hạ tầng cơ sở, công trình dân dụng và gia dụng, nhập khẩu vật liệu xây dựng vào Thổ Nhĩ Kỳ sẽ tiếp tục tăng trong nhiều năm tiếp theo.

Các mặt nhóm hàng/mặt hàng có nhu cầu nhập khẩu lớn:

- Sản phẩm công nghệ cao (sophisticated technology).
- Thành phẩm có chất lượng cao.
- Vật liệu hoàn thiện nội thất gồm phụ kiện, trải sàn, tường đúc sẵn, sơn, cách nhiệt, đồ gốm sứ, vòi nước...
- Hệ thống xây dựng.
- Sản phẩm xây dựng tháo rời và lắp ráp sau khi nhập khẩu.

### ***Quan hệ với Việt Nam:***

Trong những năm qua, Việt nam có quan hệ khá tốt với các công ty xây dựng Thổ Nhĩ Kỳ. Việc hợp tác chủ yếu là đưa lao động Việt Nam sang làm việc tại các công trình xây dựng trúng thầu tại nước ngoài như Libya, Đảo Síp, Oman, Bahrain... Tháng 2/2011, do biến động tại Libya, lao động Bibya được đưa về nước. Hiện nay, Thổ Nhĩ Kỳ đang tái triển khai các công trình xây dựng tại Libya. Các công ty Việt Nam cần khởi động lại các mối quan hệ và xúc tiến việc đưa lao động trở lại Libya thông qua các công ty Thổ Nhĩ Kỳ.

Thổ Nhĩ Kỳ có xuất khẩu vật liệu xây dựng sang Việt Nam: gạch và đá ốp lát, đá granite, đồ sứ vệ sinh.

Việt Nam xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ kính xây dựng, đá ốp lát (đá khối và đá xẻ), gốm sứ.

Thị trường xây dựng của Thổ Nhĩ Kỳ trong và ngoài nước đang phát triển mạnh. Các doanh nghiệp có thể thúc đẩy hợp tác lao động với các công ty Thổ Nhĩ Kỳ tại nước ngoài và xuất khẩu vật liệu xây dựng sang Thổ Nhĩ Kỳ với các mặt hàng như đá ốp lát, đá granite khối và tấm, kính xây dựng, thiết bị và phụ kiện đường nước và vệ sinh, gốm sứ lát nhà, khung và cây đập định hình nhôm, nhựa, hợp kim ./.

### ***Thương vụ Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ***